

Trang Nhà Quảng Đức



Mật Tông

Mật Tạng Bộ 3_ No 1106 (Tr 474 → Tr 476)

KINH TÁN DƯƠNG 108 DANH CỦA ĐỨC ĐA LA TÔN BỒ TÁT

Hán dịch: Tây Thiên Trung Ấn Độ, nước Nhạ Lan Đà La, Chùa Mật Lâm
Tam Tạng Minh Giáo Đại Sư_ Sa Môn được ban áo tía là THIÊN TỨC TAI phụng
chiếu dịch

Việt dịch: HUYỀN THANH

Nhất tâm quy mệnh lễ!

Núi Bồ Đa La Ca (Potalaka)

Tốt lành đáng yêu mến.

Cõi đó dùng mọi thứ

Châu báu để nghiêm sức

Mọi loại rừng cây báu

Rũ cành lá rậm kín

Có mọi thứ thành tựu

Hoa diệp, Câu Tô Ma (Kusuma)

Hoa ấy chiếu sáng khắp.

Có mọi thứ ao hồ

Suối tuôn đủ mọi tiếng

Cũng có mọi màu sắc

Hương Tượng (Voi lớn) với Lộc Vương (vua Nai)
Phong Vương (Ông chúa) tiếng ca hay.
Nữ Khẩn Na (Kimnari) múa đẹp
Càn đạ Bà (gandharva) tấu nhạc.
Thánh Thiên với nhân dân
Mâu Ni (Muni) chúng Ly Dục
Luôn tập hội trong đây.
Còn có chúng Bồ Tát
Với Mười Địa Tự Tại
Thánh Đa La Bồ Tát (Àrya Tàrà Bodhisatva)
Cùng ngàn đấng Minh phi (Vidya Ràñjì)
Vây quanh đấng Mã Đầu
Phần Nộ đại Minh Vương (Hayagrìva Krodha mahà Vidya Ràja)
Lúc đó Thánh Cự Đức
Quán Tự Tại Bồ Tát (Àrya Avalokite 'svaràya Bodhisatva)
Vì lợi các Hữu Tình
Đã đầy đủ hạnh lớn (Đại Hạnh)
Đấng Từ Bi Hỷ Xả
An lành ngồi ngay thẳng
Trên tòa sen Cát Tường
Trong Thai Tạng Sinh kia.
Cùng đại chúng người, Trời
Vì họ nói Diệu pháp.
Bấy giờ Kim Cương Thủ (Vajra pàñi)
Đại Lực Phần Nộ Vương (Mahà bala Krodha Ràja)
Vì thương sót kẻ khác
Nên hỏi Quán Tự Tại
“Sư tử, voi, cọp, rắn
nước, lửa, giặc, gông cùm
Tám nạn tai như vậy.
Hữu Tình kém cõi lười

Làm sao miễn lìa được?
Biển luân hồi, ở lâu
Bị tham, dục, sân, nghi
Xoay chuyển vòng buộc quẩn
Nếu khiến được giải thoát
Tôi nói NẶNG NHÂN ấy
Được Thế Gian tôn trọng”.
Khi ấy Quán Tự Tại
Tuôn lời nói mỹ diệu.
Cảnh giác Kim Cương Thủ:
“Bí Mật Chủ! Lắng nghe
Tôi từ Vô Lượng Thọ (Amitàyus Buddha)
Đã khởi sinh Thệ Nguyện
Làm mẹ các Thế Gian.
Tay cầm hoa Ưu bát (Utpala – Hoa sen màu xanh da trời)
Phóng quang chiếu cõi này.
Nhân gian với cõi Trời
Kinh động loài Dực Xoa (Yakṣa)
La Sát (Rākṣasa) của cõi đó
Bảo rằng: Đừng Kinh Sợ!
Ta từ Phật biến hóa
Hộ giúp cho Thế Gian.
Mọi hiểm nạn, sợ hãi
Đao binh với đói khát
Mọi sợ hãi luân hồi
Ta cứu Hữu Tình nên
Đời xưng là Đa La (Tàrà)
Nói là con của Phật
Lành thay! Nên tôn kính ”
Nói xong liền chấp tay
Nhảy lên trụ trong không.

Hào quang thân rực lửa
Diễn bày lời nói này:
*“ Một trăm lễ tám tên
Phật đời trước đã nói
Hàng Thập địa Tự Tại
Vô lượng các Bồ Tát
Nghe xong, sinh vui vẻ
Nếu có người thọ trì
Các tội đều tiêu diệt
Tăng phước, danh xưng rộng
Nhiều tiền của, tốt lành
Các bệnh tiêu tan hết
An lành trụ ruộng phước
Sống lâu và an vui
Hiện lành độ Hữu Tình
Tên ấy: Đại Mâu Ni
Đủ Đức như đã nói. ”*
Quán Tự Tại mỉm cười
Xem xét khắp mười phương.
Vận Tâm Từ biến hóa
Liên duỗi bàn tay phải
Tay phước tướng trang nghiêm
Bảo đấng Đại Trí rằng:
*“ Lành Thay! Kim Cương Thủ!
Nay nghe Đại phước đức
Tên Diệu Tịch Tĩnh ấy.
Thẳng thắn vì ông nói
Nếu nghe được an vui
Giàu có và tự tại
Các bệnh được giải thoát
Đầy đủ các công đức*

Ngừng dứt nạn chết yểu

Cuối cùng sinh Cực Lạc

Hàng chư Thiên nên biết

Lắng nghe! Nay ta nói

Các người hãy tùy vui

Trăm lễ tám tên là:

- 1) Án- Thất_lị ca lý_dã ni, ma ha đế nha
- 2) Lộ ca đà đát_lị, ma ha dã xá
- 3) Tát la sa_phộc đế
- 4) Vĩ sa lạc khất_sử
- 5) Bát_la chỉ_nhương
- 6) Thất_lị
- 7) Một địa
- 8) Phộc li_đạt ninh
- 9) Địa_lị đễ na
- 10) Bồ_sất_trí na
- 11) Sa_phộc hạ
- 12) Án – Ca La
- 13) Ca ma lộ nhĩ ni
- 14) Tát phộc tát đát_phộc, tứ câu nễ_dụ ngật_đá
- 15) Tăng nghiệt_la mộ đa la ni
- 16) Nhạ dã
- 17) Bát_la chỉ_nhương, bá la mạt đá, nhĩ vĩ_duệ
- 18) A lị_dã đá la
- 19) Ma nỗ la ma
- 20) Nộ nỗ ty
- 21) Thương xí nễ
- 22) Bồ_la_noa
- 23) Vĩ nễ_dã la nghê dĩ
- 24) Phả lị_diễm phộc na.
- 25) Tán nại_la năng năng
- 26) Ma hạ Kiểu lị
- 27) A nỉ đá
- 28) Tỷ đá phộc tát sa
- 29) Ma hạ ma dã
- 30) Ma hạ Thất_phệ đá
- 31) Ma hạ mạt la phả la ngật_la ma.
- 32) Ma hạ lỗ nại_la
- 33) Ma hạ tán noa

- 34) Nột sắt_tra tát đát_phộc, nễ tổ na nễ.
- 35) Bát_la Tán đá
- 36) Tán đá lỗ bá tả
- 37) Vĩ nhạ dã
- 38) Nhậ_phộc la nắng, bát_la bà
- 39) Vĩ nễ_dụ la_ma lý.
- 40) Đặc phộc Nỉ
- 41) Thương xí
- 42) Già nặc nghệ
- 43) Tác ngật_li
- 44) Đạt nỗ la_đạt la
- 45) Nhiễm bà nễ
- 46) Tát diêm bà nễ
- 47) Ca lý
- 48) Ca la, la đát_li
- 49) Nễ xả tạt li
- 50) Lạc Khất_sái Tỷ
- 51) Mệ ha nễ
- 52) Tán đễ
- 53) Kiến đá li
- 54) Nại_la vĩ nị
- 55) Thú bà
- 56) Mọt_la háam_ma ni
- 57) Phệ na ma đá tả
- 58) Ngu tứ la
- 59) Ngu hạ, phộc tát nễ
- 60) Mắng nghệ_li dã
- 61) Thương ca li
- 62) Táo mỹ ca
- 63) Nhạ đá phệ na
- 64) Ma nỗ nhạ phộc
- 65) Ca ba lý nễ
- 66) Ma hạ nhĩ vĩ
- 67) Tán đạ dã
- 68) Tát đá dã
- 69) Phả la nỉ đá
- 70) Sa la_tha phộc hạ ngật_li bá vĩ sắt_tra
- 71) Nắng sắt_tra, ma la_nga, bát_la na li_xả nễ
- 72) Phộc la na
- 73) Xả tát nễ
- 74) Xả tát đát_li

- 75) Tất_đát_lijỗ bá
- 76) Mật_lij đá, vĩ ngật_la ma
- 77) Xa phộc lị
- 78) Dụ nghiệ t nễ
- 79) Tất đà
- 80) Tán noa lý
- 81) A nhĩ đá, độ_lỗ phộc
- 82) Thán ni_dã
- 83) Mãng ni_dã
- 84) Ma hạ bà nga
- 85) Tố bà nga.
- 86) Tất_lij đã, nại_lị_xả nẵng
- 87) Ngật_lij đát đá
- 88) Đát_la tát nễ
- 89) Tịch ma
- 90) Ổ nghiệ_la, ổ nghiệ_la
- 91) Ma ha đá bá
- 92) Nhọ nga nhĩ ca
- 93) Tứ nộn nhĩ_dụ ngật_đá
- 94) Tát la ni_dã, bà ngật_để, phộc đát_sa la.
- 95) Phộc nghiệ t thấ t_phộc lị
- 96) Thấ t phộc
- 97) Tố khấ t_sắ t ma
- 98) Nễ đễ_dã tát phộc đát_la nha nỡ nhạ
- 99) Tát phộc la_tha, sa đạ t ninh
- 100) Bạ t nại_la
- 101) Ngu tất_đát_lij
- 102) Đà đát_lij
- 103) Đạ t nan na ná
- 104) A bà dã
- 105) Kiể u đá nhĩ
- 106) Mãng ni_dã
- 107) Thấ t_lij hàm
- 108) Lộ kế Thấ p_phộc la, ma Tố đễ.

Đem nói trăm lẽ tám

Tên Tịch Tĩnh bí mật

Hay lợi các Hữu Tĩnh

Ruộng phước kín (bí mật) hiểm có.

Trên Trời và Nhân Gian.

Cũng khó thể gặp gỡ.

Khiến tất cả Hữu Tình
Chiêm ngưỡng được an vui
Bậc Trí nên nhất tâm
Tắm rửa thân sạch sẽ
Ba thời chuyên niệm tụng
Chẳng bao lâu người ấy
Được vua chúa yêu kính
Lìa khổ được an vui
Người tham được tài bảo
Ngu được trí tuệ lớn.
Thông sáng chẳng nghi ngờ
Giải thoát được gông cùm
Khó thắng lại được thắng
Oán phản làm bạn lành
Nanh nhọn với sừng bén
Đấu tranh và hiểm nạn
Hết thấy sự sợ hãi
Ghi nhớ các tên này.
Hay cứu sự hãi ấy
Ngưng dứt mạng chết yếu
Danh xưng được rộng bày
Thường sinh giòng Thiên quý.
Chi riêng một thân mình
Hoặc do đi, ngồi, nằm.
Sẽ được người khen ngợi
Thọ mệnh được tăng trưởng
Nhận vui sướng nhân gian.
Trời (Deva) Rồng (Nàga) với Dực Xoa (Yakṣa)
La Sát (Rākṣaṣa) Càn Đát Phộc (gandharva)
Xú Thần (Putana) Thực uest Thần (Pi'sàca)
Ma Đất Lũ (Màṭṭ), Tâm ác (màra)

Nữ My , Noa Chỉ Nỗ (Dàkinì)
Ổ Bà, Đất La đấng (Tàraka)
Điên, cùi và Bác hạnh
Phệ Đất Noa (vetàla) Đại Quỷ
Nhóm Noa Chỉ Nễ (Dàkinì), Thần (Devatà)
Với loài tâm ác khắc
Chẳng dám vượt hình bóng
Huống chi nơi chiến đấu.
Các Hữu Tình bạo ác
Cấm chú và Huyền Thuật
Đều chẳng thể xâm hại
Tự Tại có Uy Đức
Con cháu, tiền, súc vật
Tăng trưởng không hạn lượng
Được Túc Mệnh Trí Thông.
Thượng Tộc nhìn đều vui
Đại biện tài vô ngại
Liễu đạt các luận nghĩa
Được gặp Thiện Tri Thức
Trang nghiêm Tâm Bồ Đề
Nơi đời đời kiếp kiếp
Luôn gần gũi chư Phật.

TÁN DƯƠNG THÁNH ĐỨC ĐA LA BỒ TÁT 108 DANH KINH (Hết)

108 DANH CỦA TÀRÀ

Phục hồi và chú thích Phạm văn: HUYỀN THANH

1. **OM** – (Quy mệnh) '**Srì kalyàṇi** (Đạo đức nữ) **mahàteja** (Đại Uy nghiêm mẫu)
2. **Loka strì** (Thế gian nữ) **mahà ya'sa** (Đại danh xưng mẫu)
3. **Sarasvati** (Biện tài Thiên Nữ)
4. **Visaràkṣu** (Đại Nhân mẫu)
5. **Prajña** (Trí Tuệ Mẫu)
6. '**Srì** (Cát Tường Nữ)
7. **Buddhi** (Giác Tuệ Nữ)
8. **Vardhani** (Tăng Trưởng Nữ)
9. **Dhṛ 'sina** (Trì chủng loại mẫu)
10. **Puṣṭina** (Tăng Ích Mẫu)
11. **Svaha** (Thành tựu cát tường)
12. **OM** – (Quy mệnh) **Kàra** (Tạo tác mẫu)
13. **Kamalo Jini** (Liên hoa Thắng Nữ)
14. **Sarva sattva hita adhyuṣṭa** (Tăng trưởng lợi ích nhất thiết Hữu Tình mẫu)
15. **Sàgra mudraṇi** (Hải Ấn Nữ)
16. **Jaya** (Tôn Thắng Thân Nữ)
17. **Prajña paramartha deviye** (Trí Tuệ Tối Thượng Thiên Nữ)
18. **Àrya Tàrà** (Thánh Cứu Độ Mẫu)
19. **Mano ràmà** (Thích Duyệt ý nữ)
20. **Duṇḍubhi** (Cổ Thần Nữ – Nữ thần Đánh trống)
21. '**Sam khini** (Tù Và Thần Nữ)
22. **Pùrṇa** (Viên Mãn Mẫu)
23. **Vidya ra'smi** (Minh Quang Nữ)
24. **Paryam vacana** (Thích Duyệt Ngôn Ngữ Mẫu)
25. **Candra nàna** (Nguyệt Diện Mẫu)
26. **Mahà Gaurì** (Đại Bạch Huy Quang Mẫu)
27. **Ajità** (Vô Năng Thắng Thân Nữ)
28. **Pita vastram** (Hoàng Y Mẫu)
29. **Mahà Mayà** (Đại Huyền Hóa Mẫu)
30. **Mahà 'sveta** (Đại Bạch Sắc Mẫu)
31. **Mahà prakrama** (Đại Anh Hùng Mẫu)
32. **Mahà Rudra** (Đại Tự Tại Mẫu)
33. **Mahà Caṇḍa** (Đại Bạo Nộ Mẫu)
34. **Duṣṭa sattva nìsùdanì** (Trảm ác Hữu Tình Nữ)
35. **Pra 'santa** (Bình Loạn Mẫu)
36. '**Santa rupaṣya** (Kiến Tạo Hòa Bình Mẫu)
37. **Vijaya** (Tối Thắng Thân Nữ)
38. **Jvala prabha** (Uy Diễm Quang Mẫu)
39. **Vidyurmale** (Điện Man Mẫu – Người đeo Tràng Hoa lóe ánh điện)
40. **Dhvajì** (Thắng Tràng Nữ – Người cầm Cây Phướng Chiến Thắng)

41. **'Samkhi** (Bình Bát Nữ - Người nữ ôm bình bát)
42. **Khatva ñ gi** (Lợi Kiếm Nữ – Người cầm cây kiếm sắc bén)
43. **Cakrì** (Luân Nữ – Người cầm bánh xe)
44. **Dhaṇḍordhàra** (Trì Nhân Đầu Bồng Mẫu)
45. **Jambhani** (Tội Phục Nữ)
46. **Sajambhani** (Thiện Tội Phục Nữ)
47. **Kàli** (Hắc Mẫu Thiên)
48. **Kàla ràtrì** (Hắc Dạ Thần Nữ)
49. **Ni'sa carye** (Dạ Hành Thần Nữ)
50. **Rakṣasi** (La Sát Nữ hay Hộ Vệ Nữ)
51. **Mohani** (Mê Hoặc Nữ)
52. **'Santi** (Tịch Tĩnh Nữ)
53. **Kuṇḍali** (Quân Trà Lợi Nữ – Người ôm ấp yêu thương)
54. **Dramilì** (Dũng Mãnh Nữ)
55. **'Subha** (Đức Hạnh Mẫu)
56. **Brahmaṇi** (Phạm Thiên Nữ)
57. **Veda màtàsya** (Vệ Đà Mẫu Đẳng)
58. **Guhera** (Bảo Hộ Mẫu)
59. **Guha Vasini** (Ẩn Cư Nữ)
60. **Ma ñ galya** (Cát Khánh Mẫu)
61. **'Sa ñ kari** (Thuận Lợi Mẫu)
62. **Saumya** (Hiền Thiện Mẫu)
63. **Jaṭa veda** (Thông Minh Mẫu)
64. **Mano japa** (Thiền Xảo Ý Mẫu)
65. **Kàpalini** (Độc Lâu Thần Nữ)
66. **Mahà Devì** (Đại Thiên Nữ)
67. **Satya** (Chân Thật Mẫu)
68. **Sàdhaya** (Nghĩ Thức Thành Tựu Mẫu)
69. **Parajita** (Năng Thắng Thần Nữ)
70. **Sàrtha vàha kṛpà drṣṭi** (Bi Mẫn Kiến Thần Nữ)
71. **Nàṣṭi marga pradar'sani** (Hướng Đạo Nữ)
72. **Varada** (Dữ Nguyện Mẫu)
73. **'Sàrani** (Huấn Luyện Nữ)
74. **Sastrì** (Giáo Viên Nữ)
75. **Strì rùpa** (Trì Nữ Hình Mẫu)
76. **Amṛta vikrama** (Bất Tử Anh Hùng Mẫu)
77. **'Sabari** (Đa Sắc Nữ – Người hay ẩn thân)
78. **Yogini** (Du Già Nữ)
79. **Siddhe** (Thành Tựu Nữ)
80. **Caṇḍari** (Bạo Nộ Nữ)
81. **Ajita 'sruta** (Vô Năng Thắng xuất chúng Mẫu)

82. **Sannya** (Ly Hạnh Mẫu)
83. **Maṇiya** (Như Ý Đẳng Mẫu)
84. **Mahà bhaga** (Đại Đức Tính Mẫu)
85. **Subhaga** (Thiện Đức Tính Mẫu)
86. **'Sriya dar 'sana** (Cát Tường Kiến Mẫu)
87. **Kṛtva** (Khởi Tạo Mẫu)
88. **Trasani** (Tam Lợi Nhuận Nữ – Người nữ có 3 thứ sắc đẹp, danh vọng, của cải)
89. **'Sima** (Giới Đàn Mẫu)
90. **Urga durga** (Uy Mãnh Bạo Ác Thần Nữ)
91. **Mahà Sarpa** (Đại Xà Mẫu)
92. **Jagat Jik** (Thắng Thế Gian Mẫu)
93. He!^(Mừng thay) **Anu adhyuṣṭa** (Thuận Tăng Trưởng Mẫu)
94. **Sara adhya Bohakti vassara** (Tín Giáo Thiện Hữu Mẫu)
95. **Bhage 'svari** (Đức Tính Tự Tại Mẫu)
96. **Svāk** (Ngôn Ngữ Chủ Mẫu)
97. **Sukṣma** (Hoan Hỷ Mẫu)
98. **Nitya sarvathà anugate** (Nhất Thiết xứ đồng hành Mẫu)
99. **Sarvārtha sādhanī** (Thành Tựu nghĩa lợi nữ)
100. **Bhadra** (Hiền Mẫu)
101. **Guhya strī** (Bí Mật Nữ)
102. **Strī** (Y Tá Nữ)
103. **Dhanadanī** (Tài Thí Nữ)
104. **Abhaya** (Vô Úy Mẫu)
105. **Gotamī** (Cồ Đàm Mẫu)
106. **Malya** (Thắng Man Mẫu – Người đeo vòng hoa chiến thắng)
107. **'Sri mam** (Tôi Khen ngợi ca tụng)
108. **Loke 'svara masuti** (Người con gái mỹ lệ của Thế Tự Tại)

13/01/2002

Webmaster: quangduc@tpg.com.au

Trở về Thư Mục Mật Tông

Biên tập nội dung: Tỳ kheo Thích Nguyên Tạng

Xin gửi bài mới và ý kiến đóng góp đến ban biên tập qua địa chỉ: quangduc@tpg.com.au
 Ghi rõ nguồn "**Trang nhà Quảng Đức**" khi bạn phát hành lại thông tin từ website này.